TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN BÌNH** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-4-2022
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Anh Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Thái

2. Ông Trần Ngọc Đức

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đinh Thị Kim Thao – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24-3-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Đức L, sinh năm 1994. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1998. Có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn, xã M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh Lưu Đức L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 25/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê ki ốt ở chợ xã M để ở và kinh doanh tạp hoá, sau đó không kinh doanh nữa thì khoảng tháng 3 năm 2021 anh đi làm điện nước dưới Hà Nội, còn vợ con vẫn ở ki ốt ở chợ xã M và vợ anh làm thêm công việc bán thời gian nửa buổi chiều là sắp xếp hàng cho bến tôm để kiếm thêm thu nhập. Đến tháng 1/2022 anh mới về địa phương làm mỏ tại xã M, huyện Yên

Bình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 1/2021. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị D có quan hệ tình cảm với người khác. Vợ chồng hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Giữa anh và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là Lưu Bảo L, sinh ngày 23/10/2017. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Từ khi anh đi làm dưới Hà Nội và trong thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 1/2022 thì cháu L1 vẫn do chị D nuôi dưỡng. Đến ngày 28/01/2022 chị D bỏ về nhà ngoại ở, thì cháu L1 ở với anh và ông bà nội tại thôn T, xã M. Sau đó đến ngày 08/3/2022 do dịch bệnh nên anh phải ngừng công việc tại xã M, huyện Yên Bình để xuống Hà Nội làm lao động tự do (làm sơn) để kiếm tiền nên chị D lại đón cháu L1 về ở cùng chị D, anh cũng không gửi tiền về để chu cấp nuôi con với chị D.

Về các khoản nợ riêng: Quá trình chung sống với chị D, anh có vay công ty tài chính FE Feredit số tiền 20 triệu đồng để làm ăn kinh doanh. Đây là số tiền nợ riêng của anh, anh đã trả hết. Hiện nay anh còn đang nợ Ngân hàng Tiên Phong chi nhánh Hà Nội số tiền vay 30 triệu đồng, anh vay để chi tiêu cá nhân cho bản thân do dịch bệnh anh không có thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 11 tháng 2 năm 2022, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như anh L đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê ki ốt ở chợ xã M để ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh L có lấy trộm thẻ ngân hàng của người khác để rút trộm tiền, bị Công an Hà Nội lên địa phương bắt và áp giải về Hà Nội. Sau đó, anh L về nhà thì bắt đầu chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, hai bên gia đình nội ngoại cùng vợ chồng đã họp gia đình nhiều lần để khuyên bảo anh L giải quyết nợ nần để vợ chồng hoà hợp, ổn định cuộc sống nhưng anh L vẫn không thay đổi, không quan tâm gì đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm là tết năm 2022 (khoảng ngày 27 âm lịch) chị phải bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Tân Lương, xã Cảm Ân, huyện Yên Bình để ăn tết vì anh L bảo chị cho con về nhà ngoại ăn tết do anh L không có tiền. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh L xin ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Giữa chị và anh L có 01 con chung là Lưu Bảo L, sinh ngày 23/10/2017. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến

khi trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Chị hiện nay đang làm ruộng ở nhà và làm thêm công việc bán điện thoại cho cửa hàng tư nhân tại xã Cảm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Công việc của chị làm theo giờ hành chính, đảm bảo thời gian đưa đón con đi học. Hiện chị đang ở nhà bố mẹ đẻ, bố mẹ đẻ chị có nhà đất và đã tặng cho chị.

Chị cho rằng anh L không đủ các điều kiện để nuôi con vì anh L hiện nay đang nợ nần nhiều. Mọi chi phí sinh hoạt, ăn học của cháu L1 đều do chị chịu trách nhiệm, anh L đi làm nhưng nợ nần cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Đức L để xử cho anh L được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Về nuôi con chung: Giao con chung là Lưu Bảo L, sinh ngày 23/10/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Về án phí: Anh Lưu Đức L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú tại thôn Tân Minh, xã M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức L và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 25 tháng 10 năm 2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị D có quan hệ tình cảm với người khác. Chị D xác định vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau do anh L vi phạm pháp luật, chơi lô đề, cờ bạc, nợ nần. Anh L và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều nhất trí ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị D đã thực sự trầm

trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Lưu Đức L là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho anh Lưu Đức L được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

[3] Về con chung: Anh Lưu Đức L và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là Lưu Bảo L, sinh ngày 23/10/2017. Anh L và chị D đều có nguyện vọng được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L1.

Xét nguyện vọng của anh L và chị D về nuôi con chung thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, xét các điều kiện về nuôi con thì cháu L1 ở với chị D từ nhỏ, anh L đi làm ăn xa không trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1. Chị D vẫn đảm bảo các điều kiện về kinh tế, chỗ ở để nuôi con (chị được bố mẹ tặng cho riêng nhà đất; có việc làm thu nhập ổn định). Còn anh L hiện nay công việc không ổn định, lúc thì làm việc tại địa phương, lúc thì đi làm ăn xa dưới Hà Nội, mặt khác anh đang còn khoản nợ riêng chưa trả. Do đó, để đảm bảo mọi mặt sinh hoạt và tâm sinh lý của con, cần chấp nhận đề nghị về nuôi con chung của chị D, giao cháu Lưu Bảo L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do anh Lưu Đức L và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lưu Đức L và chị Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lưu Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Đức L được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Bảo L, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lưu Đức L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001590 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình. (Xác nhận anh Lưu Đức L đã nộp đủ).

Anh Lưu Đức L và chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- Chi cục THADS huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào